

**b) Đễ tương xuân :**

Loại I : 80% hạt mẩy, đều,  
15% hạt da hơi nhăn,  
5% hạt non teo lép và tạp chất,  
(hạt teo lép và tạp chất không  
quá 1%)

Loại II : 70% hạt mẩy, đều,  
30% hạt da hơi nhăn,  
10% hạt non teo lép và tạp  
chất, (hạt teo lép và tạp chất  
không quá 2%)

Loại III : 55% hạt mẩy, đều,  
30% hạt da hơi nhăn,  
15% hạt non teo lép và tạp  
chất (hạt teo lép và tạp chất  
không quá 3%)

**Điều 4.** — Giá mua quy định ở điều 1 và  
điều 2 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu  
mua của mặt dịch quốc doanh.

**Điều 5.** — Quyết định này được thi hành từ  
ngày 1 tháng 11 năm 1974.

*Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974*

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TỜ DUY

**QUYẾT ĐỊNH số 68-NS/VGNN ngày  
16-10-1974 về việc điều chỉnh giá  
mua vừng.**

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

.....  
..... (1)

QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** — Nay điều chỉnh và quy định giá  
mua một kilôgam vừng đen, vừng vàng các  
loại áp dụng thống nhất cho toàn miền Bắc  
như sau :

**a) Vừng đen :**

Loại I : 1,60đ (một đồng sáu hào)

Loại II : 1,30đ (một đồng ba hào)

**b) Vừng vàng và vừng các loại :**

Loại I : 1,40đ (một đồng bốn hào)

Loại II : 1,10đ (một đồng một hào)

**Điều 2.** — Vừng sản xuất tại những vùng  
mới khai hoang được quy hoạch trồng để bán  
cho Nhà nước, trong vài ba năm đầu sản xuất  
có khó khăn, thì tùy theo điều kiện sản xuất  
mà được trợ giá thêm 0,10đ hoặc 0,30đ trên  
giá mua.

Mức giá ở điều 2 chỉ có hiệu lực thi hành sau  
khi đề nghị mức trợ giá cho từng nơi được  
Ủy ban Vật giá Nhà nước xét duyệt.

**Điều 3.** — Quy cách phẩm chất các loại  
vừng được quy định như sau :

**a) Chung cho các loại :**

— Thật khô, sát tróc vỏ lụa, không sâu mọt.

— Vừng lẫn lộn loại này với loại khác không  
quá 1%.

**b) Riêng cho từng loại :**

Loại I : 95% hạt mẩy, đều,

4% hạt lép,

1% tạp chất.

Loại II : 85% hạt mẩy, đều,

13% hạt lép

2% tạp chất.

**Điều 4.** — Giá mua quy định ở điều 1 và  
điều 2 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ  
thu mua của mặt dịch quốc doanh.

**Điều 5.** — Quyết định này được thi hành  
từ ngày 1 tháng 11 năm 1974.

*Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974*

Q. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

TỜ DUY

(1) Xem căn cứ của quyết định số 66-NS/  
VGNN trên.